

Số: /KH-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 3 năm 2023

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Bắc Giang năm 2023

Thực hiện Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025; Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2023; Quyết định 1506/QĐ-TTg ngày 02/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023; Quyết định 1312/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội năm 2023; Kế hoạch số 455/KH-UBND ngày 05/8/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021- 2025; UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (sau đây gọi tắt là Chương trình) tỉnh Bắc Giang năm 2023 như sau:

Phần thứ nhất

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2022

I. Công tác chỉ đạo điều hành

Thực hiện sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Bí thư TW Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương về thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Bắc Giang đã ban hành các Chương trình, Nghị quyết, quyết định, kế hoạch của tỉnh để cụ thể hóa sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương vào tình hình thực tế công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh. Chủ tịch UBND tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025; chỉ đạo UBND cấp huyện, cấp xã thành lập Ban chỉ đạo, ban hành quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên. Ban Chỉ đạo các cấp đã tích cực triển khai, hướng dẫn, đôn đốc các sở, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố tổ chức giao kế hoạch vốn, thẩm định và phê duyệt các dự án, chính sách giảm nghèo theo quy định; chủ động thực hiện đẩy nhanh tiến độ giải ngân, huy động vốn, tăng cường nguồn lực cho thực hiện các mục tiêu giảm nghèo, tập trung ưu tiên đầu tư cho huyện nghèo, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Trong quá trình thực hiện, các cơ quan chuyên môn được

phân công chủ trì dự án, tiêu dự án đã có sự phối hợp chặt chẽ, nhất là công tác truyền thông, hướng dẫn, triển khai thực hiện, tổng hợp báo cáo kết quả. Việc phân cấp quản lý thực hiện Chương trình được thực hiện chặt chẽ từ khâu phân bổ vốn đến hướng dẫn, xây dựng triển khai thực hiện kế hoạch, công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện ở các cấp đúng quy định đã tạo sự thống nhất cao trong thực hiện Chương trình trên địa bàn.

II. Kết quả thực hiện mục tiêu về giảm nghèo

Theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đến cuối năm 2022, tỉnh Bắc Giang đã hoàn thành vượt mức kế hoạch thực hiện chỉ tiêu giảm nghèo năm 2022 và hoàn thành mục tiêu hỗ trợ 100% các hộ thuộc đối tượng người có công với cách mạng thoát nghèo, cận nghèo; cụ thể như sau:

- Hộ nghèo còn: 17.946 hộ, chiếm tỷ lệ 3,81%, giảm so với năm 2021 là 6.693 hộ, tương đương với tỷ lệ giảm 1,46% (vượt KH 0,46%).

- Hộ cận nghèo còn: 19.797 hộ, chiếm tỷ lệ 4,20% giảm so với năm 2021 là 4.719 hộ, tương đương với tỷ lệ giảm 1,04%.

- Cả 10/10 huyện, thành phố đều hoàn thành mục tiêu kế hoạch giảm nghèo năm 2022; huyện nghèo Sơn Động giảm 4,98% vượt mục tiêu kế hoạch (4%).

III. Kết quả thực hiện các dự án, chính sách thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững

Tổng kế hoạch vốn giao thực hiện Chương trình năm 2022 là 143.316 triệu đồng; trong đó: Ngân sách trung ương 138.316 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển 89.012 triệu đồng, vốn sự nghiệp 49.304 triệu đồng*); ngân sách tỉnh 5.000 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển 5.000 triệu đồng*). Tính đến ngày 31/12/2022, theo số liệu báo cáo của các huyện, thành phố, cụ thể:

- Đối với ngân sách trung ương thực hiện Chương trình giá trị khối lượng thực hiện đạt 10.198 triệu đồng, bằng 7,37% (trong đó: dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững 5.014 triệu đồng; dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin 762 triệu đồng; dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình 4.422 triệu đồng).

- Đối với ngân sách tỉnh: Nguồn vốn đối ứng của ngân sách địa phương giao cho các dự án, tiêu dự án của Chương trình theo hướng ưu tiên tập trung đầu tư cho huyện nghèo. Hiện nay đang trong quá trình lập hồ sơ, xây dựng dự án.

Cụ thể, trong năm 2022: Triển khai hỗ trợ đào tạo nghề cho 2.326 người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; truyền thông, hướng nghiệp, tập huấn cho cán bộ nhà giáo về xây dựng và phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp; tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về các chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm, nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Xây dựng 04 phóng sự; tổ chức 05 lớp bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cho 494 cán bộ thông tin, tuyên truyền; thiết lập 01 đài truyền thanh xã. Sản xuất mới các tác phẩm báo chí và các sản phẩm truyền thông đăng tải trên mạng internet, mạng xã hội: 200 chương trình phát thanh; 125 tin, bài/ảnh;

06 video clip; biên tập tờ rơi tuyên truyền các chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2022-2025 (tổng số tờ rơi được cấp phép 6.000 tờ); hoàn thành sản xuất 04 chương trình truyền thông về giảm nghèo; tổ chức 9 lớp tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng thông tin, tuyên truyền về công tác giảm nghèo cho 1.080 cán bộ cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã. Tổ chức 18 lớp tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo cho 2.160 cán bộ cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; 08 cuộc trao đổi, học tập kinh nghiệm cho cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp, 20 cuộc kiểm tra công tác quản lý về giảm nghèo tại các xã thực hiện dự án, mô hình qua đó giúp cho đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là ở các thôn, bản có thêm kiến thức và kỹ năng tổ chức thực hiện chính sách, chương trình giảm nghèo hiệu quả hơn. Thực hiện thường xuyên duy trì, cập nhật tin, bài liên quan đến giảm nghèo trên trang thông tin điện tử của các Sở, ngành làm chủ chương trình.

IV. Đánh giá chung

1. Ưu điểm

- Có sự quan tâm chỉ đạo tích cực, quyết liệt của Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh trong việc cụ thể hóa các Chỉ thị, Nghị quyết, Quyết định của Trung ương Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành sát với điều kiện cụ thể, tình hình thực tế của tỉnh để triển khai thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn.

- Công tác truyền thông được chú trọng, nâng cao, người dân, người nghèo được tiếp cận nhiều với các thông tin về chế độ chính sách của Đảng, Nhà nước về Chương trình, từ đó tích cực tham gia, ủng hộ việc triển khai thực hiện.

- Các dự án, chính sách, hoạt động giảm nghèo tiếp tục được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời, công khai, minh bạch, đạt hiệu quả tích cực, nội dung hỗ trợ đáp ứng nguyện vọng của Nhân dân, công tác chỉ đạo, quản lý, điều hành đã có sự kết hợp giữa chính quyền với các ngành, đoàn thể phát huy được sự giám sát trong quá trình thực hiện.

- Công tác chuẩn bị đầu tư, phân bổ và quản lý sử dụng vốn được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước.

2. Hạn chế và nguyên nhân

- Là năm đầu thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, nội dung, chính sách, hoạt động của Chương trình có nhiều điểm mới, các văn bản hướng dẫn thực hiện của trung ương nhiều, nhưng chậm¹, ảnh hưởng đến việc xây dựng và ban hành các cơ chế thực hiện Chương trình do trung ương phân cấp cho tỉnh; mặt khác, việc triển khai tập huấn nghiệp vụ của Bộ chủ quản Chương trình chậm, nhiều vướng mắc của địa phương chưa được giải đáp, tháo gỡ kịp thời.

- Các văn bản hướng dẫn của các Bộ/ngành TW chậm ban hành, nhiều nội dung lại giao cho địa phương phải ban hành các văn bản quy phạm pháp luật,

¹ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 9/4/2022; Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022; Thông tư 17/2022/TT-BLĐTBXH ngày 6/9/2022...

cho nên làm chậm tiến độ triển khai dự án.

- Một số địa phương chưa quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện quyết liệt, hiệu quả công tác giảm nghèo, chưa huy động được nhiều nguồn lực tại chỗ, chưa phát huy được hết nội lực trong dân và chính người nghèo. Công tác triển khai các dự án và giải ngân vốn rất chậm, tỷ lệ đạt thấp.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NĂM 2023

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai, cụ thể hóa các Nghị quyết, Quyết định, văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh về lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2023 tỉnh Bắc Giang phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh, tiến độ, kế hoạch, quy định của Trung ương để thực hiện tốt các mục tiêu, chỉ tiêu giảm nghèo năm 2023, làm tiền đề thực hiện tốt mục tiêu, các chỉ tiêu giảm nghèo cả giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

- Tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức và hành động trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, phối hợp giữa các ngành, các cấp trong thực hiện các chính sách giảm nghèo, bảo đảm tính đồng bộ, khả thi và hiệu quả.

- Triển khai thực hiện Chương trình đúng các quy định, chỉ đạo, hướng dẫn của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành trung ương.

- Các sở, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố căn cứ kế hoạch này xây dựng kế hoạch giảm nghèo phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, đơn vị đảm bảo thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu nhiệm vụ giảm nghèo đa chiều, bao trùm, nhanh và bền vững.

- Các chủ đầu tư phải tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân nhanh các nguồn vốn đã được giao kế hoạch theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 19/01/2023 về việc đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023.

II. MỤC TIÊU

1. Giảm tỷ lệ hộ nghèo hết năm 2023 toàn tỉnh còn 3,0%. Tỷ lệ hộ nghèo ở huyện nghèo Sơn Động giảm 4-5%; tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm trên 3%.

2. Tập trung đẩy nhanh tiến độ, triển khai thực hiện hoàn thành có hiệu quả các Dự án, Tiểu dự án thuộc Chương trình trong năm 2023 trên địa bàn tỉnh.

3. Quan tâm phối hợp nâng cao mức sống của hộ nghèo, hộ cận nghèo người có công với cách mạng mới thoát nghèo, thoát cận nghèo năm 2022 và không để phát sinh mới.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo (gồm 02 tiểu dự án).

1.1. Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu trên địa bàn huyện nghèo.

a) Nội dung, đối tượng hỗ trợ

- Đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình cấp huyện, liên xã về đường giao thông, trạm y tế... tại huyện nghèo Sơn Động, gồm 05 công trình; cụ thể:

+ Thực hiện cải tạo nâng cấp 03 công trình đường giao thông liên xã, liên thôn thuộc các xã Vĩnh An – Vân Sơn; Tuấn Đạo – Đèo Gia, Lục Ngạn; xã Lê Viễn- Thị trấn An Châu.

+ Xây dựng 02 công trình Trạm y tế thuộc các xã Yên Định, An Lạc.

- Duy tu, bảo dưỡng 06 công trình từ nguồn ngân sách tỉnh đối ứng bao gồm: sửa chữa, duy tu đường bê tông 03 công trình thuộc 03 xã Long Sơn, xã Vĩnh An và An Lạc; sửa chữa trạm bơm và cứng hoá mương nội đồng 03 công trình thuộc 03 xã Dương Hữu, xã Đại Sơn và xã Vân Sơn, huyện Sơn Động.

b) Kinh phí thực hiện: Tổng kinh phí 71.637 triệu đồng

Nguồn ngân sách trung ương: 45.783 triệu đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển: 41.621 triệu đồng;

- Vốn sự nghiệp: 4.162 triệu đồng.

Nguồn ngân sách tỉnh đối ứng: 25.854 triệu đồng.

- Vốn đầu tư phát triển: 10.000 triệu đồng

- Vốn sự nghiệp: 15.854 triệu đồng.

1.2. Tiểu dự án 2: Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

a) Nội dung, đối tượng hỗ trợ

Đầu tư cải tạo nâng cấp 02 công trình đường liên xã và duy tu, sửa chữa 06 công trình giao thông liên thôn nhằm tạo sự đột phá thúc đẩy hiệu quả phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, lưu thông hàng hóa, phát triển kinh tế và nâng cao thu nhập cho người dân; cụ thể như sau:

- Cải tạo, nâng cấp đường liên xã An Bá - Tuấn Đạo, huyện Sơn Động,

- Cải tạo, nâng cấp đường liên xã An Bá - Tuấn Đạo - Thanh Luận, huyện Sơn Động.

- Duy tu, sửa chữa 06 công trình đường giao thông thuộc 04 xã trên địa bàn huyện gồm: Lê Viễn, Tuấn Đạo, Phúc Sơn, Thanh Luận.

b) Kinh phí thực hiện:

Nguồn ngân sách trung ương 68.859 triệu đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển 62.599 triệu đồng;
- Vốn sự nghiệp 6.260 triệu đồng.

2. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

a) Nội dung, đối tượng hỗ trợ

Triển khai các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt, nâng cao chất lượng cuộc sống và thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho người nghèo.

b) Kinh phí thực hiện:

Ngân sách trung ương: Vốn sự nghiệp 35.129 triệu đồng.

3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

Ngân sách trung ương: Vốn sự nghiệp 20.310 triệu đồng, trong đó:

3.1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

a) Nội dung, đối tượng hỗ trợ

Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp, nâng cao năng lực cho người dân trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp; đẩy mạnh phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập; gắn với quy hoạch sản xuất, đề án chuyển đổi cơ cấu sản xuất của địa phương theo hướng sản xuất hàng hóa.

b) Kinh phí thực hiện:

Ngân sách trung ương: Vốn sự nghiệp 15.494 triệu đồng.

3.2. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

a) Nội dung, đối tượng hỗ trợ

Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo Sơn Động.

b) Kinh phí thực hiện:

Ngân sách trung ương: Vốn sự nghiệp 4.816 triệu đồng.

4. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững:

Tổng kinh phí: 69.859 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương thực hiện: 59.778 triệu đồng (vốn đầu tư: 21.870 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 37.908 triệu đồng);

+ Ngân sách tỉnh đối ứng: 10.081 triệu đồng (vốn đầu tư 10.000 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 81 triệu đồng). Cụ thể:

4.1. Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

a) *Nội dung, đối tượng hỗ trợ:* Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn về quy mô và chất lượng đào tạo; hỗ trợ đào tạo nghề cho người nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn tỉnh, gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với tạo việc làm, sinh kế bền vững, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.

b) *Kinh phí thực hiện:* 55.979 triệu đồng, trong đó:

Ngân sách trung ương: 45.898 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 17.300 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 28.598 triệu đồng).

Ngân sách tỉnh đối ứng: 10.081 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 10.000 triệu đồng; vốn sự nghiệp 81 triệu đồng).

4.2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

a) *Nội dung, đối tượng hỗ trợ:*

Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng nâng cao trình độ ngoại ngữ, kỹ năng nghề cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập và giảm nghèo bền vững.

b) *Kinh phí thực hiện:*

Ngân sách trung ương: Vốn sự nghiệp 730 triệu đồng.

4.3. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

a) *Nội dung, đối tượng hỗ trợ:*

Hỗ trợ việc làm bền vững, cung cấp thông tin thị trường lao động, đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung cầu lao động cho người lao động.

b) *Kinh phí thực hiện:*

Ngân sách trung ương: 13.150 triệu đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển: 4.570 triệu đồng;

- Vốn sự nghiệp: 8.580 triệu đồng.

5. Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện nghèo

a) *Nội dung, đối tượng hỗ trợ:*

Hỗ trợ nhà ở cho trên 300 hộ nghèo, hộ cận nghèo có khó khăn về nhà ở trên địa bàn huyện nghèo Sơn Động theo quy định tại Thông tư số 01/2022/TT-BXD ngày 30/6/2022 của Bộ Xây dựng có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững.

b) Kinh phí thực hiện:

Tổng kinh phí: 4.620 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương: Vốn sự nghiệp 2.640 triệu đồng.

+ Ngân sách địa phương: Vốn sự nghiệp 1.980 triệu đồng.

6. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

Tổng kinh phí: Ngân sách trung ương 5.228 triệu đồng, cụ thể:

6.1. Tiêu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

a) Nội dung, đối tượng hỗ trợ:

Giảm nghèo về thông tin hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo Sơn Động sử dụng dịch vụ viễn thông, tiếp cận thông tin.

b) Kinh phí thực hiện:

Tổng kinh phí: 2.743 triệu đồng, cụ thể:

- Ngân sách trung ương: Vốn sự nghiệp 2.643 triệu đồng.

- Ngân sách tỉnh đối ứng: Vốn sự nghiệp 100 triệu đồng.

6.2. Tiêu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

a) Nội dung thực hiện:

Truyền thông về giảm nghèo, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững nhằm khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng.

b) Kinh phí thực hiện:

Ngân sách trung ương: Vốn sự nghiệp 2.485 triệu đồng;

7. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

Tổng kinh phí sự nghiệp thực hiện: Ngân sách trung ương 8.566 triệu đồng, cụ thể:

7.1. Tiêu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

a) Nội dung thực hiện:

Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình, năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các cấp nhằm hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo, phòng ngừa, hạn chế người dân rơi vào tình trạng nghèo đói; bảo đảm thực hiện Chương trình đúng mục tiêu, đúng đối tượng, hiệu quả, bền vững.

b) Kinh phí thực hiện:

Ngân sách trung ương: Vốn sự nghiệp 5.581 triệu đồng.

7.2. Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

a) Nội dung thực hiện:

Thiết lập quy trình, hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình; đảm bảo Chương trình được thực hiện đúng mục tiêu, đúng đối tượng và quy định của pháp luật.

b) Kinh phí thực hiện:

Ngân sách trung ương: Vốn sự nghiệp 2.985 triệu đồng.

IV. TỔNG NGUỒN VỐN THỰC HIỆN NĂM 2023

Tổng nguồn vốn ngân sách nhà nước đề xuất dự kiến thực hiện trong năm 2023 là: 284.208 triệu đồng, trong đó:

1. Ngân sách trung ương: 246.193 triệu đồng, gồm:

- Vốn đầu tư phát triển: 126.090 triệu đồng.

- Vốn sự nghiệp: 120.103 triệu đồng.

2. Ngân sách tỉnh (đôi ứng 15%): 38.015 triệu đồng.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

V. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, hội viên, đoàn viên. Động viên, hướng dẫn người nghèo, hộ nghèo có kiến thức trong lao động, sản xuất, sinh kế để chủ động vươn lên thoát nghèo, không trông chờ, ỷ lại.

2. Tập trung đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình theo Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 19/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, thực hiện 03 chương trình MTQG năm 2023; hoàn thành các thủ tục đầu tư dự án cơ sở hạ tầng huyện nghèo, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trung tâm dịch vụ việc làm đảm bảo đúng quy định Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước; đảm bảo điều kiện bố trí và giải ngân kế hoạch vốn theo từng danh mục dự án đã được HĐND tỉnh thông qua.

3. Đảm bảo nguồn lực thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh; kết hợp lồng ghép thực hiện hiệu quả các mục tiêu về giảm nghèo với các chương trình, dự án, hoạt động khác trên địa bàn.

4. Tập huấn nâng cao năng lực đội ngũ những người làm công tác giảm nghèo, những người tham gia thực hiện các nội dung của Chương trình để hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo. Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm về công tác giảm nghèo.

5. Chỉ đạo kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý thực hiện Chương trình ở cấp huyện, cấp xã để nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động, công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành trong thực hiện công tác giảm nghèo.

6. Đẩy mạnh các phong trào thi đua "Cả nước chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau", khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, phát huy nội lực vươn lên "thoát nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no" của người dân và cộng đồng, phấn đấu "Vì một Việt Nam không còn đói nghèo".

7. Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý thống nhất về giảm nghèo, tăng cường cung cấp thông tin, giúp người nghèo kết nối với thị trường lao động, thị trường hàng hoá. Thực hiện nghiêm công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động, dự án, chính sách về giảm nghèo trên địa bàn tỉnh.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động- Thương binh và Xã hội

Là cơ quan chủ trì quản lý Chương trình:

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố tham mưu chỉ đạo, triển khai, tổ chức thực hiện tốt Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 – 2025 và Kế hoạch này của UBND tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan triển khai các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương và của UBND tỉnh;

- Triển khai hướng dẫn nội dung các dự án được giao chủ trì; tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội theo quy định.

2. Các sở, ngành liên quan, chủ trì dự án, tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình

- Hướng dẫn các địa phương triển khai các chỉ tiêu, nhiệm vụ và lập dự án, tổ chức thực hiện nội dung dự án, tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình được phân công chủ trì thực hiện.

- Xây dựng và hướng dẫn cơ chế huy động nguồn lực để thực hiện nội dung của các dự án, tiểu dự án thành phần được giao chủ trì thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và sở, ngành có liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện nguồn lực và các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nội dung các dự án, tiểu dự án thành phần của Chương trình được giao chủ trì gửi Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội theo quy định.

3. UBND huyện, thành phố

- Xây dựng kế hoạch triển khai Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn và chủ động triển khai thực hiện.

- Cân đối ngân sách địa phương để tổ chức triển khai kịp thời, hiệu quả các dự án, chính sách, hoạt động về giảm nghèo trên địa bàn và giảm tỷ lệ hộ nghèo theo kế hoạch của UBND tỉnh.

- Tổ chức đánh giá, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Chương trình theo quy định.

- UBND huyện Sơn Động tập trung cao trong chỉ đạo, tổ chức triển khai các dự án trên địa bàn, nhất là các dự án đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng, giải ngân nhanh các nguồn vốn để phát huy hiệu quả Chương trình và đảm bảo huyện thoát nghèo vào năm 2025.

4. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh

- Hướng dẫn, chỉ đạo MTTQ và các tổ chức thành viên các cấp đổi mới công tác tuyên truyền, phối hợp nâng cao phong trào thi đua **“Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại ở phía sau”**; đẩy mạnh tuyên truyền, vận động xây dựng Quỹ “Vì người nghèo” và chương trình an sinh xã hội. Tuyên truyền, vận động cán bộ, đảng viên, tổ chức, doanh nghiệp và các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh, người Bắc Giang ở trong và ngoài nước tham gia ủng hộ “Quỹ đền ơn đáp nghĩa”. Ưu tiên nguồn lực hỗ trợ hộ gia đình người có công mới thoát nghèo.

- Tham gia giám sát việc thực hiện các mục tiêu, nội dung, chính sách trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2023; yêu cầu các sở, ngành liên quan, UBND huyện, thành phố nghiêm túc triển khai tổ chức thực hiện. Quá trình thực hiện có gì vướng mắc phản ánh đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo, điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương./.

Nơi nhận:

- Bộ Lao động- TB&XH (B/cáo);
- VPQG Giảm nghèo, Bộ Lao động-TB&XH;
- TT Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh (B/cáo);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các sở: KH&ĐT, Tài chính; LĐ-TB&XH; NN&PTNT; Xây dựng; Y tế; TT&TT;
- UBND huyện, thành phố;
- VP UBND tỉnh:
 - + LĐVP; TH;
 - + Lưu: VT; KGVX Thảo.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Sơn

BIỂU 01. KẾ HOẠCH GIẢM NGHÈO NĂM 2023
 (Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Khu vực/Địa bàn	Năm 2023		
		Tổng số hộ dân cư	Hộ nghèo	
			Số hộ	Tỷ lệ
1	TP Bắc Giang	44.122	185	0,42
2	Việt Yên	51.366	690	1,34
3	Yên Dũng	40.917	782	1,91
4	Lạng Giang	58.650	1.530	2,61
5	Yên Thế	30.732	1.010	3,29
6	Tân Yên	51.042	1.260	2,47
7	Hiệp Hòa	59.339	1.460	2,46
8	Lục Nam	61.339	1.881	3,07
9	Lục Ngạn	56.708	2110	3,72
10	Sơn Động	21.229	3358	15,82
	Tổng cộng	475.444	14.266	3,00